

TÚ MỠ

TÚ MỠ là bút hiệu, tên thật *Hồ trọng Hiếu* (hiệu *Nguyên-Trực*), sinh ngày 14 tháng 3 năm 1900 (tức ngày 14 tháng 2 năm *Canh-tí*) tại phố hàng *Hòm Hà-nội*.

Lên năm tuổi, ông học vỡ lòng Hán văn với nội tổ. Vừa học hết pho *Tam tự kinh*, sang pho *Dương tiết thì* nội tổ mất. Thân phụ ông mới bắt đầu cho học *Pháp-văn* đầu tiên với cụ giáo *Quý phố hàng Mành*. Được một năm, ông được thầy cho chuyển vào học trường nhà nước tức trường hàng *Bông*; tiếp đây là trường hàng *Vôi*, ông học hết lớp nhất và thi đậu bằng *Sơ-học Pháp Việt* năm 1914.

Năm 1915, ông vào học trường *Bưởi*; nơi đây ông tỏ ra là người học trò ranh mãnh, nghịch ngợm. Nghịch ngợm và ham chơi nên chỉ trong một năm, ông bị mất học bổng.

Năm 1916, ông bắt đầu « mắc bệnh » làm thơ. Năm ấy ông học triết với cụ *Phên* (*Dufresne*) chung với *Hoàng ngọc Phách* và *Nguyễn Pho*. Hai anh này là tay giỏi quốc văn nhất lớp, thường hay bắt chước cái dáng vẻ « phi-lô » của thầy *Dufresne* nên *Tú Mỡ* và người bạn tên *Quế* thường làm thơ nhằm nhì để châm chọc.

Năm 17 tuổi (1917), người học sinh trường *Bưởi* *Tú Mỡ* bắt đầu yêu một cô gái 15 tuổi ở hàng *Bông*. Nó chỉ là thư tình yêu vợ vắn, nhưng *Tú Mỡ* cũng cố nặn ra mấy vần thơ « *Tương tư* » rồi nhờ *Hoàng ngọc Phách* chữa hộ. Bài thơ « *đứng đắn* » đầu tiên của *Tú Mỡ* như sau :

Tương tư

Vì ai nên nỗi nhớ cùng thương
 Một mối tơ tình dạ vẫn vương
 Sáu khắc mơ màng hình hạn ngọc
 Năm canh trường nhớ bóng người vàng
 Ruột tâm chín khúc vô tơ rối
 Giấc điệp năm canh diễn khắc trường
 Muốn nhắc cùng ai, ai nhắc hộ
 Mòn đuôi con mắt giải sông tương.

Ý tứ bài thơ được Hoàng ngọc Phách sửa chữa, phê bình (1). Từ đây Tú Mỡ đâm ra mến phục Hoàng ngọc Phách, một người vừa giỏi vừa hiền nhiều.

Sang năm thứ tư (1918), Tú Mỡ bắt đầu mê thơ Tân-Đà; lại thích cả thơ Tú Xương, hầu như bài nào đăng trên Nam phong đều được Tú Mỡ học thuộc cả. Có thể nói Tú Xương là ánh đuốc dẫn đường cho Tú Mỡ. Ông dùng bút hiệu Tú Mỡ là để tỏ sự biết ơn đối với nhà thơ của dòng sông Vị.

Trong thời kỳ ái tình chỉ phôi đời sống tình cảm và tính thần, ảnh hưởng của Tân-Đà vẫn không lu mờ trong văn thơ Tú Mỡ, như trong bài *Sầu tình* có những câu:

Lòng còn đeo nặng khối tình con
 Đôi ngọn đèn khuya gợi mối buồn
 Ngọn bút tình này khôn tả nỗi
 Biết cùng ai giải lăm lòng son. (2)

Sau này ông góp nhặt thành tập thơ cho mang tên *Câu cười tiếng khóc*, lấy ý trong câu: « *Cuộc nhân thế câu cười tiếng khóc* » của Nguyễn khắc Hiếu. Tập thơ này không xuất bản.

1) Hoàng ngọc Phách cho bài thơ trên là sáu. Toàn bài có thể nói là khá. « *Mơ màng hình hạn ngọc* » đối với « *Nhớ trường bóng người vàng* » là chính lắm. Chữ « *sáu khắc* » và « *năm canh* » cũ quá, nên sửa là « *tựa gối* » và « *thấy trăng* ». Hai câu ngũ, lục, Phách cho đủ lấy ý trong một quyển thơ... (quả đương thế).

2) Mỗi câu thơ có một lên sách (xếp chữ đứng).

Cuối năm 1918, ông đỗ bằng Thành-chung, ra trường vào làm sở « *Phi-năng* » (Finance; Sở Tài-chính). Sau hai năm của đời cạo giấy, những điều chường tai gai mắt đã làm nảy nở ý hải hước của ông vốn sẵn có từ bản chất. Bài thơ hải hước đầu tiên là *Bốn cái mong* của thầy Phán, sau này đăng trên tạp chí Việt-nam thanh niên.

Bốn cái mong của thầy Phán

Làm nghề thay kỹ với thầy thông
 Sống ở trên đời có bốn mong;
 Mong tháng chóng qua, tiền chóng linh
 Mong giờ mau hết, việc mau xong
 Mẽ-dav mong được năm mươi chiếc
 Lương bổng mong tăng sáu bảy đồng
 Hầy tạm thời này mong thế thế
 Còn bao mong nữa xếp bên lòng.

Bài thứ hai là bài Phú thầy Phán được Nguyễn tường Tam sao lục đăng trên Nam phong; vì Tú Mỡ giấu tên mình nên sau này có nhiều người lầm tưởng là của Tú Xương, nhưng xét kỹ nội dung có nhiều sự kiện mà thời đại Tú Xương không có.

Sau đây, ông tiếp tục đăng sáng tác phẩm trên Việt-nam thanh niên và Từ dân tạp chí.

Ngày tháng bình dị trôi, cho đến 1932, năm bắt đầu biến cố văn học. Vốn quen biết nhau từ lúc cùng làm tại Sở Tài-chính, Nguyễn tường Tam mới cùng Tú Mỡ và Nguyễn tường Long (tức Thạch-Lam, em của Nguyễn tường Tam) sáng lập tờ báo trào phúng Phong hóa. Mấy tháng sau mới có sự gia nhập của Khái-Hưng, và một năm sau nữa, của Thế-Lữ.

Nguyễn tường Tam phân công theo khả năng từng người. Đôi khi Tú Mỡ muốn chuyển sang viết loại khác hơn là làm thơ hải hước, thì Nguyễn tường Tam khuyên Tú Mỡ nên chuyển một lối; và Tú Mỡ đã thành công trên địa hạt này. Có thể nói Nguyễn tường Tam là người đã tạo ra Tú Mỡ vậy.

Sự thành công của Tú Mỡ cũng nhờ ảnh hưởng những thi sĩ trào phúng Boileau, René Buzelin (làm thơ châm biếm cho báo Canard enchaîné). Anh em thường gọi đùa Tú Mỡ là Buzelin Việt-nam, Buzelin là Tú Mỡ tây...

Những thơ trào phúng sau đây anh biên thành hai tập :

1. Giòng nước ngược, tập I

2. Giòng nước ngược, tập II

Ngoài ra ông còn đặt thành văn vần những truyện cổ tích Việt-nam hoặc Tây-phương. Ông đã viết xong tập Công chúa Bạch Tuyết và bảy người lùn gồm hơn một nghìn câu thơ.

Phê bình về sự nghiệp văn chương của Tú Mỡ, ông Lê Thanh trong quyển Thân thế và văn chương Tú Mỡ (xuất bản năm 1942 tại Hà-nội) viết như sau :

«... Tú Mỡ...»

Nhưng cái cười của ông không phải là cái cứu cánh mà là cái phương tiện. Cái cứu cánh là : sửa chữa.

Như vậy, không nói gì về giá trị văn chương, riêng về công dụng của thơ ông, ông đã phân biệt một cách rõ rệt với những nhà thơ trào phúng Cao bá Quát, Yên-Đỗ, và phân biệt được về một vài phương diện với nhà thơ trào phúng Tú Xương rồi.

Bài thơ của Cao bá Quát, Yên-Đỗ tôi nhắc lại làm ra đề châm biếm, mục đích tạo lấy một cái cười trong chốc lát, bài thơ của Tú Xương ngấm lên để thay một lời than cay đắng, bài thơ của Tú Mỡ làm ra để cười, để châm biếm và cuối cùng để đem lại cho mọi người một cái gì.

Từ một mục đích vụn vặt tầm phào, một mục đích có tính cách cá nhân, đến một mục đích có tính cách triết lý và xã hội.

Cái giá trị văn chương và tư tưởng của sự nghiệp Tú Mỡ so sánh với sự nghiệp của tiền nhân là thế. Và cái địa vị của Tú Mỡ trong văn chương Việt-nam ngày nay, ta có thể nhận rõ được ở sự so sánh ấy vậy.

Sau này, chúng ta có viết bộ Văn-học-sử của ta, trong chương văn thơ khôi hài và trào phúng, nói đến Cao bá Quát, Yên-Đỗ, Tú Xương, ta sẽ không bỏ qua được Tú Mỡ.

Không những thế, ngay bây giờ trong cái Hội Tao-đàn Việt-nam, bên những bậc tiền bối, Tú Mỡ có thể chiếm được một chỗ ngồi mà không bẽn lèn, và đó là một danh dự rất xứng đáng với cái văn nghiệp của ông. »

KHÔNG là tiếng ve sầu rả rích trong mùa hạ, cũng không là dòng suối róc rách triển miên nhả nhạc trên núi đồi, đây chỉ một nụ cười của thế nhân.

Khóc than vô ích, can chi khóc,

Cười ngất làm vui, cứ việc cười,

Muốn cuộc sinh tồn hãy hái mạnh,

Cười lên ha ha !! Cười đi thôi !!

Nhà thơ Tú Mỡ thích cười, và cười rất lớn trước cái sống của con người. Cười không để chán đời, cũng không để yêu đời. Cười để mà sống.

Đặt nụ cười vào lẽ sống, vươn lên tất cả mọi thương tình của thế sự, nhà thơ Tú Mỡ đã có một nhân sinh quan dị biệt.

Gần với Tú Xương, Hồ xuân Hương, nhưng lại không là Tú Xương hay Hồ xuân Hương ; nụ cười Tú Mỡ là một « dòng nước ngược », xoáy tròn theo dòng luân lưu của thời gian, quện theo từng nhịp sống của nhân thế. Rồi từ đây, nó dậy lên những gợn sóng, không phải lăn tăn như nước mặt hồ qua hơi gió thu phe phẩy, cũng không ồ ạt như mặt trùng dương trong cơn bão tố. Đây là gợn sóng của tâm tư qua cái nhìn của một con người trước xã hội con người.

Những gợn sóng ấy tạo thành cung bậc của âm thanh trầm bổng phổ vào lòng thế hệ.

Ai từng phủ nhận trong đời mình đã không một lần nở trên môi một nụ cười Tú Mỡ. Ai dám bảo cười là gây thiện cảm với đời. Tú Mỡ hiến cho đời từng chuỗi cười ; có khi chưa đựng đủ mùi vị, càng nếm càng thấm thía, đôi lúc nó phô bày tro trên mặt thực càng nhìn càng chán ngán, ề ề.

Không khóc để khỏi nhục, không rên để khỏi hèn, không căm để khỏi mang tiếng khờ dại, Tú Mỡ đã dùng nụ cười nói lên sự hiện hữu của mình trong một thế hệ.

Đề tựa tập thơ *Giòng nước ngược*, Khải-Hưng đã tặng Tú Mỡ một danh hiệu : « Nhà thơ bình dân ».

Khái-Hưng viết :

« Cũng như nhiều nền văn chương kim cồ, văn chương nước ta có rõ rệt hai dòng : dòng bác học và dòng bình dân.

Dòng bác học, ta có thể ví với con sông, hai bên bờ có đê kiên cố để làn nước không tự do tràn ra đồng bằng được, phải lặn lẽ theo dòng sông mà chảy thẳng ra biển. Chỗ nào ngòng ngoèo quá thì người ta đào lạch cho nước thông mau, chỗ nào nông quá thì người ta khơi sâu thêm cho nước dễ thoát.

Trái lại dòng bình dân chỉ ví như cái suối chảy trong vùng đồi núi hoang vu, quanh co, lượn khúc cạnh rừng lau mọi rợ, hai bên bờ rậm đầy cỏ sắc hoa dại, có khi thì thâm róc rách trong khe, có khi ầm ầm đổ xuống thành ngàn thành thác, lại có khi gặp tảng đá lớn ngang giữa dòng, hung tợn vọt ngược lên cao.

Đê và lạch, đối với con sông, cũng như đối với nền văn chương bác học, những luật lệ qui tắc nhất định mà các văn nhân đạo mạo tự bắt buộc phải theo ở nước ta, tuy không có những sách văn pháp như ở bên Thái-tây, song đời đời người ta cứ lẽ lối cũ của Tàu mà bắt buộc không hề làm suy suyền : văn sách, kinh nghĩa phải thế nào, thi phú, từ khúc phải thế nào, đặt câu bằng bằng trắc trắc ra sao, làm bài phú thừa luận kết ra sao, nhất nhất không dám may thay đổi.

Văn chương bình dân thì chẳng mấy khi theo luật lệ, qui tắc. Khi nào miễn cưỡng theo, cũng hực hặc phá phách như con ngựa bất kham vì dùng văn thất niêm, thất luật be bét, dùng chữ và tiếng nói sai nghĩa lung tung — Song, chính nhờ đó mà nền quốc văn đã có lắm chữ mới và lối văn mới, đặt rất bạo, thí dụ như thổ ngữ, những thí ca lục bát, song thất lục bát, tứ tự, cùng là các lối về cổ văn ở giữa cầu. »

(Tựa Giòng nước ngược, tập I)

Đưa Tú Mỡ vào khuynh hướng thi ca bình dân, Khái-Hưng minh định hai tính chất văn chương bình dân và bác học. Hai tính chất ấy được Khái-Hưng hình dung bằng hai dòng nước, một dòng khép mình trong đê, lạch, một dòng tự do chảy như con suối hoang vu . . .

Thực ra, chẳng riêng đối với Khái-Hưng, giữa phong trào thơ mới đang lên ở thế hệ 1932-1945, nhiều nhà chuyên khảo cứu văn học cũng đã nói đến. Văn chương bình dân quả có một đặc tính mà văn chương bác học không thể nào có được.

Nếu ở lãnh vực văn chương bác học, các thi nhân nặng về điền tích ; thường dùng những sáo ngữ, gói kín tình cảm trong ngôn từ hoa mỹ, thi ở lãnh vực bình dân, văn chương không bóng bầy, hào nhoáng, mỹ lệ, nó thật giản dị, mộc mạc, đôi khi trắng trợn, nhưng trung thành với tình cảm con người.

Khái-Hưng viết :

« . . . Khi bọn bình dân gặp một sự gì trái ngược với tình tình và nguyện vọng của họ, họ liền mạnh bạo thốt ra những lời văn oán trách chẳng chút rụt rè che đậy bằng những ý tri mập mờ, bóng bầy, cao xa . . .

Lối văn thành thực giản dị mà táo bạo và ngộ nghĩnh ấy không hề thấy có trong văn chương bác học, tuy văn chương bác học cũng nhiều khi nhiễm tư tưởng trào phúng — cái trào phúng nặng nề đầy điền tích và nhút nhát rụt rè đối với kẻ có quyền thế. »

Với quan niệm trên, Khái-Hưng quả đã thấu đáo được tính chất bình dân.

Bình dân là lớp người không có địa vị xã hội. Cờ họ thấp, mồm họ bé, nhưng ý nghĩ và lời nói của họ lại thẳng thắn, không sợ sệt, rụt rè, không thiên vị, nịnh hót. Tình cảm của họ không là tình cảm của cơm áo ; sự thương ghét của họ không phải để tranh đoạt quyền chức. Họ chỉ cần sống một cuộc sống bình thản ; không lợi dụng ai mà chẳng muốn ai lợi dụng mình. Do đó, tiếng nói của họ rất trung thực với lòng họ, không cần ai khen chê, cũng chẳng cần ai đề ý.

Họ là kẻ bị nặng áp lực nhất, nhưng cũng là kẻ có tinh thần bất khuất nhất. Trời đất, thánh thần, vua chúa đối với họ chỉ là biểu tượng khô khan. Nhan nhân trong văn chương

binh dân, chúng ta thấy không một ny quyền nào có thể làm cho họ kính nể. Thân hoặc có bị đe dọa, giầy xéo, họ chỉ oặt oại uốn khúc rồi cũng bật lên những phản ứng mĩa mai trào lộng. Dưới đây là điển hình ngọn đòn quật khởi của thứ văn chương bất khuất ấy :

« Có quan hùng dũng Nguyễn công Nhân,
Hùng dũng nhưng mà lại nhất gan.
Giặc tới Bến-tranh run lập cập,
Tàu vô Cửa Tiều chạy bỏ càng.
Mưu thần chước quì ngang sông chắn ;
Kế dữ sao toan đóng cũi hăng. . . »

(Học Lạc)

Chúng ta đặt Tú Mỡ vào thi giới bình dân cũng chỉ vì Tú Mỡ đã sống với tâm trạng của con người bình dân.

Trước đây, Lê-Thanh trong tập phê bình Tú Mỡ, đã chia thi tính của Tú Mỡ làm hai phần : khôi hài và trào phúng.

Lê-Thanh viết :

« Tú Mỡ là một nhà thơ khôi hài và trào phúng.

Trước khi nghiên cứu và bình luận thơ của ông, tôi hãy thử định nghĩa thế nào là thơ khôi hài, thế nào là thơ trào phúng.

Từ trước đến giờ ít nhất trong văn chương ta, người ta không phân biệt hai thể thơ khôi hài và trào phúng, vì đặc sắc của thể thơ này thường lẫn vào thể khác.

Đặc sắc của thể thơ khôi hài là cái vui, một cái vui phần nhiều thẳng thắn, không phạm sâu đến đối tượng của cái cười.

Cái vui có khi hồn nhiên, không biết đến từ chỗ nào và từ lúc nào . . .

. . . Nhà thơ khôi hài tìm tài liệu ở cái ngu xuẩn, cái vô ý thức, cái ngông của người đời. Nhà thơ trào phúng tìm tài liệu ngoài những nguồn trên, còn ở những thói xấu, những cái rôm của người.

Nhà thơ khôi hài cười đề mà cười, nhà thơ trào phúng cười đề mà sửa chữa. Vì cái mục đích sau này khó đạt hơn, những phương tiện nhà thơ dùng phải chặt chẽ hơn.

Lời lẽ khi chua cay, khi mai mỉa. Một chữ dùng không phải là một chữ chờ chất cười mà còn là cái bao gói chặt độc. . . ném vào đích để phá hoại. . . »

Quan niệm trên đây của Lê Thanh không phải không đúng. Mỗi thi nhân có một nhân sinh quan. Sự khác biệt về quan điểm đưa thi nhân đến nhiều khuynh hướng. Cái cười không phải ai ai cũng giống nhau. Có cái cười để giải trí, cái cười để châm biếm, cái cười để tự đại tự cao, thì cũng có cái cười dùng để răn đời. Mà cái cười để răn đời mới chính là cái cười đáng nói, vì nó là cái cười tha thứ, cái cười cõi mờ, cái cười hướng thượng ; nó cũng chứa đựng nhiều màu sắc xã hội, và xã hội rất cần đến nó qua tình cảm của con người.

Một áng mây chiều lơ lửng trên trời xanh với ánh nắng vàng nhạt, ta cảm khái thấy lòng lâng lâng trước cảnh vật. Nhưng khi chúng ta vì một cảnh huống xã hội đầy ta đến một môi u buồn thì ráng mây chiều không còn gọi cho lòng ta thích thú nữa. Một nụ cười có ý nghĩa; hợp tình hợp cảnh cũng đủ khả năng giải tỏa cho vơi đi những hằn học, bứt rứt.

Vậy ai dám bảo văn chương hài hước, trào phúng thiếu giá trị nghệ thuật và nhân sinh ? Giá trị nghệ thuật của nó là biết dùng những trực từ nhắm vào đối tượng để phô diễn uẩn khúc của lòng mình ; giá trị nhân sinh là biết dùng một hình thức nhẹ nhàng để làm thoải mái con người lúc bị trò đời đen bạc, lúc bị chà đạp lên quyền sống con người, lúc tâm sự đầy vơi không người giải tỏa.

Sống trong thế hệ 1932 — 1945, Tú Mỡ là một trong những chiến sĩ tiên phong của nhóm *Tự lực văn đoàn*, chủ trương tờ *Phong hóa*, đánh đổ nề nếp nho phong, giải phóng những tư tưởng bị gò bó bởi tập tục cổ truyền. Tuy nhiên, Tú Mỡ lại không là Thế-Lữ. . . hay những nhà thơ khác quyện theo cơn trốt ái tình lãng mạn. Đó không phải vì họ có lý do. Trong lúc ngọn trào lãng mạn Tây Âu chưa mạnh

vào ven bờ Đông-Á, mọi khuynh hướng bắt buộc phải đổi chiều, thì Tú Mỡ, một nhà tân học, lẽ ra phải cùng với nhịp bước trào lưu, thế mà Tú Mỡ lại đi vào con đường rẽ đi biệt : ngã rẽ bình dân.

Con đường dân tộc đã hân hoan đón nhận bước chân một nhà thơ của thế hệ, cái thế hệ hoàn toàn bị ảnh hưởng ngoại lai, vậy mà Tú Mỡ đã không để mất bản sắc dân tộc.

Khi đặt tâm hồn trước dân tộc, đem văn chương phụng sự cho lớp người bình dân, Tú Mỡ đã nói lên tiếng nói mà chúng ta ít được nghe trong giới trí thức đương thời ; tuy nhiên, giá trị tiếng nói ấy hẳn không là mong manh.

Đề hiệu Tú Mỡ, ta thấy con người của thi nhân không quá thiên lệch. Một mặt ông bài bác lối sống cô lõ không hợp thời, một mặt lại chăm biếm những ai đua đòi theo ánh sáng lạ, làm mất dân tộc tính.

Phản trào phúng của Tú Mỡ chúng ta có chia làm ba loại chính : một loại chăm biếm quan chức, một loại đã phá hủ tục và chăm biếm tình đời, một loại tranh thủ tư tưởng với bạn bè.

Vậy, chúng ta hãy lợi « giếng nước ngược » thủ phần tích ba tính chất ấy trong thơ Tú Mỡ.

1. Loại chăm biếm quan chức.

Bắt nguồn từ tư tưởng cấp tiến, nhưng gần gũi với lớp người bình dân, Tú Mỡ đã dùng thơ trào phúng xía xối vào thế giới quyền chức đương thời, từ các quan thượng thư đến các ông nghị, ông tham, ông phán. . .

Nước Nam có hai người tài ;
Thứ nhất sừ Vinh, thứ hai sừ Quỳnh,
Một sừ béo múp rung rinh,
Một sừ lều đều như hình cò hương ;
Không vốn liếng, chẳng ruộng nương,
Chỉ đem dư luận bán buôn làm giàu,
Bây giờ đang xía xối nhau.
Người câu lập-hiến, kẻ câu trực-quyền ;
— « Thừa các ngài thực vi tiên,
Muốn xem chiến đấu, quăng tiền vào đây !

(Nam hải di nhân)

(Phong dao mới)

Nếu chúng ta thường nghe trong thôn xóm có những câu ca dao, câu vè của dân chúng chăm biếm thầy hương, thầy lý phát xuất từ lòng người bình dân, thì tính chất trào phúng ở đây của thơ Tú Mỡ cũng nằm trong trạng thái ấy.

Là người dân, không bao giờ họ ganh tị ; vì ganh tị để làm gì khi mình chỉ là người dân. Tuy nhiên, không vì thế mà người dân chối bỏ cuộc sống của mình. Cuộc sống của họ gói gắm vào tâm tư trầm lắng, và hiện diện trong xã hội bằng những lời phê phán mộc mạc, rất giản dị và cũng rất mỉa mai.

Cũng trong bài tựa *Giếng nước ngược*, Khái-Hưng viết :

« . . . Muốn biết tập quán, phong tục trong dân về thời nào, không gì bằng đọc văn bình dân, nghĩa là những ca dao tục ngữ của thời ấy. Đó là những cái gương phản chiếu tình tình và nguyện vọng của cả một thời đại. Hát một câu ca dao hay, ta biết cô nhân vui hay buồn, sung sướng hay khổ sở. Ta ngẫm nghĩ rằng tác giả không để tên tuổi lại hậu thế. Song đó cũng là một tinh cách bình dân ; song không ai biết đến, có danh vọng cũng không cần ai hay. Những áng văn vô danh kia đời đời ta truyền khẩu cho nhau, không bao giờ ta để mai một đi, như thế cũng đủ làm hài lòng bọn bình dân rồi, vì họ đã lưu được cái linh hồn chân thật của cả một nòi giống. »

Quan niệm trên, Khái-Hưng muốn nói văn chương bình dân không có cái « ta ». Văn chương bình dân là linh hồn của dân tộc, là của chung của mọi người.

Ca tụng văn chương bình dân, chúng ta không phải ca tụng một cá nhân, một thiên tài, mà ca tụng cái tính chất bất khuất, cái tâm hồn hòa hợp với trạng huống tâm tư chung của từng thế hệ. Vậy nhà thơ bình dân khi sáng tác không phải riêng cho mình. Tâm hồn của họ là tâm hồn của thế hệ, tư tưởng của họ là phản ánh của nếp sống đương thời.

Chúng ta không thể xem sự chăm biếm của Tú Mỡ đối với Phạm Quỳnh, Nguyễn văn Vĩnh là tính cách cá nhân, mà chính là sự phê phán của toàn thể lớp người bình dân

đang sống trong thời ấy. Thật vậy, đầu riêng về hai chính trị gia Phạm Quỳnh, Nguyễn văn Vĩnh, Tú Mỡ còn nói đến những ông nghị :

Nhón nhủ ông nghị

Áo sa, khăn nhiễu, giày ban,
Kính trắng gọng vàng, tay cấp cặp da,
Ấy là ông nghị vùng ta,
Súng sa súng sính đi ra hội đồng.
Mấy lời nhón nhủ cùng ông
Có ra hội đồng thì miệng phải to.
Xin đừng khúm núm co ro,
Nói không ra tiếng họ cho rằng dãn.
Cũng đừng ngần mặt tẽn tẽn,
Ngồi nghe diễn thuyết ngủ dần thiu thiu.

(Phong dao mới)

Coi xã hội loài người như một tấn tuồng trên sân khấu, Tú Mỡ vốn là thông phán Sở Tài-chính, nhưng vẫn thấy cái hư hèn trong giới mình, và không tiếc lời đùa cợt :

Sở có một thầy ;
Mặt mũi khô ngô,
Hình dung chừng chộc,
Quần là ống sớ, áo vận khuy vàng,
Khăn lượt vành dây, ô che cấn bạc.
Bánh bao lấm mốc, trời nắng mưa : giày nọ giày kia ;
Lịch sự đủ vanh, mùa rét, nực : mũ này, mũ khác ;
Ra phết quan thông, quan phán, đua ngón phong lưu,
Dập dìu tài tử giai nhân, diềm màu dài các
Trong dóm ngoài đuốc, trông ra màu mỡ riêu cua.
Tiếng cả nhà thanh, xét kẻ thân hình pháo xác.
Cuối tháng ba mươi, ba một, giấy bạc rung rinh,
Qua ngày mười một, mười hai, ví tiền rỗng toác. . .

(Bài phú thầy Phán, Giòng nước ngược)

Đối với Tú Mỡ, những cái lòe loẹt ở bên ngoài, cái bộ cánh hào nhoáng không tạo nên giá trị con người, mà chính nó sẽ gây khổ tâm cho những ai lên mặt phong lưu.

Con người bình dân thích giản dị, thực tế, nên đời sống của họ không bị dồi dập trong sóng gió vật chất.

Với quan niệm ấy, Tú Mỡ đã đem so sánh giá trị của một quan Hàn với một ông « hàn » nổi :

Ông thì hàn. . . , ông thì Hàn. . .
Kém chi ai, anh cũng tiếng ông thì Hàn,
Tuy rằng anh không chức trọng quan sang trên đời,
Nói phăng ngay, anh cố sợ ai cưỡi,
Anh chỉ hàn măm, hàn cháo, hàn nời, hàn xanh ;
Kể ít người nhiều, anh thâu chút vi thành,
Rồi ai muốn tốt muốn lành, anh cũng hàn cho.
Mở túi càn khôn, anh lấy cái hồng lô,
Ra tay anh hàn gắp khắp cho mọi người,
Anh thỏa cái lương tâm giúp ích cho đời,
Được niêu canh dẻo, được nời canh ngon.
Anh nghĩ cái hàn anh mới thực đáng tôn.
Bởi chưng nó là hàn thực, chính môn gia truyền,
Còn hơn ai, hàn hảo hàn huyền,
Ra luồn vào cúi, mất tiền mua danh.

Ồi chị em ơi, chớ coi rẻ ông Hàn nời. . .

(Ông Hàn, bát xồm — G. N. N I)

Khi đã bới móc những xấu xa trong giới quan trường, Tú Mỡ cũng không đề yên những xấu xa trong dân chúng.

2. Loại đả phá hủ tục, châm biếm tình đời.

Trạng thái xã hội lúc bấy giờ là đeo đòi ánh sáng vào mình, nhưng cũng nhân đây đưa con người đến tư tưởng lãng mạn truy lạc. Tú Mỡ không phản đối sự tiến bộ, mà chỉ kích bác những sa đọa, hư hỏng. Bởi vậy cùng một lúc Tú Mỡ đả phá hủ tục và trào lộng luôn cả những lối lãng, hư hèn.

Về phần đã phá hủ tục, Tú Mỡ nói đến lớp người mê tín trong bài. . .

Kiểu bay

Dám rước làng ta đã tới đền,
Vía bà động cờn, tốc bay lên.
Các cô chân kiệu siêu lơ chạy.
Mấy cụ đồng quan lão đèo rên.
Pháo đốt, nhang bay mù đảo địa,
Con công, cái bán lễ huyền thiên.
Thánh bà mới biết linh thiêng thật,
Gặp cái ô-tô. . . kiệu đứng liền !

(Giòng nước ngược !)

Thật mỉa mai ! Thánh thần cũng sợ chết, sợ xe đụng !
Tú Mỡ muốn vạch trần khối óc hủ bại, lạc hậu của kẻ mê
tín và lột mặt những kẻ giả danh thần thánh lừa gạt dân lành.

Và trong bài Tú Mỡ với quan Ôn :

Xuân đã sang hè, trời nắng rất,
Trong xóm, thấy mấy ông « kỳ nát »
Lục tục kéo nhau đi quỳên tiền,
Đề mà sắm sửa lễ « kỳ yên »,
Đút lót quan Ôn khỏi tác ác.

Nào cờ, nào biển, nào thuyền rồng,
Văn minh thêm khâu sủng thần công !
Voi ngựa rỗng lòng, thuyền thùng đáy,
Thần công tắc tị, bánh không chạy.
Các ông man trá cả quỷ thần.
Phúc chả thấy đâu, tội vào thân ! . . .

Đi sâu hơn, với ý tưởng đã phá cỗ tục, Tú Mỡ nhắm
thẳng vào vị học giả tên tuổi Nguyễn văn Tố. « Ông Nguyễn
văn Tố tuy là một nhà Tây học uyên thâm, nhưng tính lại
nệ cổ, giữ riết cái búi tóc, cho như quốc túy quốc hồn. Báo
Phong hóa muốn triệt hạ cái búi tóc của ông nên thường nói
đến cái « Tồ chấy » rùng rã mấy tháng. Về sau ông Tố phải
chuyển lòng, cắt búi tóc vậy. »

Đây ta hãy nghe giọng điệu của Tú Mỡ trong bài :

Ông Nguyễn văn Tố tể búi tóc

Ngày mùng 6 tháng 11 năm Báo - Đại thứ 7. . . khổ chủ
Nguyễn văn Tố quỳ trước di hài búi tóc khóc mà than rằng :

Than ôi !
Ta với người ;
Nghĩa nặng thiêng liêng !
Tình thân mật thiết !
Đội đức mẹ cha,
Cùng chung khí huyết.

Kể từ thuở ấu ơ tiếng khóc, đã cùng nhau duyên
nợ vãn vương ; trải bao năm thắm thoảng cuộc đời, vẫn
một mực tóc tơ khẳng khít.

Bé con cái chòm, đỉnh sọ phất phơ ;
Lớn lên túp bờm, sau lưng rời rít.

Nào sửa, nào nuôi, nào chải, nào chuốt, nào ve, nào
vuốt, công trình kẻ biết mấy mươi !

Khi vò, khi gội, khi rội, khi xoa, khi hơi, khi xòa,
chăm chút thôi đã khôn xiết !

Thánh nhân đã dạy, của mẹ cha nào dám hủy thương ;
Thời thế đổi thay, hồn quốc túy vẫn toan giữ riết.

Cũng tưởng ;

Rung chẳng rời, lay chẳng chuyển, được cùng nhau
bến chặt trăm năm ;

Sống thời đề, chết mang đi, ở với bạn vẹn tròn
một kiếp.

Nào hay đâu ;

Gặp buổi nhớ nhãng,

Bị phường quỷ quyết,

Lời ong, tiếng én, cứ nhè ta khúc khích bông cười ;

Nét bút, câu văn, thù chi bạn hăm hè muốn triệt.

Bỏ thì thương, vương thì tội, nhũn như chi ta lưỡng
nhưng búi ngùi ;

Riêu càng tệ, chế càng già, dai tựa đĩa họ càng thêm ray riết.

Âu cũng là số phận xui nên,
Cực chẳng đã lòng ta phải quyết...
Bốn mươi năm, duyên nợ dở dang,
Ba nhất kéo, ta người vĩnh biệt!
Dứt lòng tơ, người hắt oán, hắt hờn,
Rơi hạt lệ, ta những thương những tiếc.

Ôi thôi!

Đừng oán hận, tiếc chi đời tở chảy bị nam nhi hắt hủi rầy ruồng.

Hãy hoan hỷ hóa làm kiếp đuôi gà, để phụ nữ nâng niu quăn quýt!

Ô hô!

Thương thay!

Rõ ràng Tú Mỡ có một ý thức canh tân mạnh mẽ.

Nhưng canh tân không có nghĩa là vươn mình đến sa đọa, hư hèn. Tú Mỡ đã dùng ngòi bút trào phúng mỉa mai các cô thiếu nữ tân thời:

Vợ chồng đời nay

Bây giờ thời buổi văn minh
Phụ phụ chí tình có vẻ khác xưa.
Mợ tham mợ dốc nhớn nhợ,
Lấy chồng ngồi rồi, ăn nhờ chiếc lương.
Suốt ngày son phấn điểm trang,
Tiêu khiển đêm trường: nhà hát, tờ tôm.
Con thời sẵn vú nuôi ôm,
Nước, cơm sẵn bếp tận mồm bưng lên.
Phong lưu chồng vợ là tiên,
Hễ cậu kém tiền, giờ luật cời duyên
Tung hô « nam nữ bình quyền »!

Thế lực kim tiền gieo rắc vào tinh thần con người những bại hoại. Đến nỗi tình duyên cũng không còn phát xuất ở tình yêu thuần túy nữa:

Em là con gái nhà quê,
Người làng dạm hỏi, em chê ngu dăn.
Một em giỏi, hai em giần,
Thầy bu khuyên dỗ, em rằng em không...
Lấy chồng cho đáng tấm chồng,
Em chỉ bằng lòng lấy cậu phán thôi.

(Lấy chồng ông phán — G. N. N. I)

Thật ra cái lòe loẹt bên ngoài, cái phong lưu vay mượn không phải không có tác dụng đối với bản năng dục vọng con người. Tuy nhiên công dụng của những lớp vỏ bao giờ cũng tạm bợ, cho nên thực tế đánh đổ mộng đời của nàng:

Từ ngày em lấy cậu thông,
Tưởng rằng sang trọng nên ông nên bà.
Không ngờ người chốn phần hoa,
Mê ngoài bóng bầy, cửa nhà rỗng không!
Bờی chồng chơi đại chơi ngông,
Kiếm được một đồng lại muốn tiêu hai.
Mình em giặt gấu vá vai,
Mà xem cậu nó ra người vô tư.
Giận thân lấy phải chồng hư...

(Lấy chồng ông phán — G. N. N. I)

Tuy nhiên, con người chỉ đau khổ khi đã nếm mùi thất bại, và chỉ thấy chua cay khi chính mình là người đương cuộc.

Tục ngữ có câu:

« Con cá trong lò đồ ngoe con mắt,
Con cá ngoài lò ngúc ngoắc muốn vô. »

Cuộc sống hào hoa, tuy bên trong không có gì tươi đẹp, nhưng đứng ngoài nhìn vào người ta vẫn ước ao, mong muốn. Và Tú Mỡ lại có dịp châm biếm:

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,
Nhớ cô quần trắng, áo điều khăn san.
Năm giờ, buổi giấy chưa tan,
Bóng hồng tha thướt bên hàng cây xanh.
Gió chiều bộ cánh phong phanh,

*Lang thang vợ vẫn cô mình đợi ai ?
Thưa rằng : « Đã mấy ngày giờ
Em chờ cậu phán là người tình nhân
Bây giờ kinh tế khó khăn.*

Tình đời đuổi theo cơm áo ! Cơm áo chỉ phối cuộc sống con người. Cuộc sống lại tạo ra những thân tượng hồn nhân giả dối. Chức vị, danh vọng của ông tham, cậu phán đã làm giới quần thoa điêu đứng : ngược lại cũng có những ngọn đèn trà ngoạn mục, giới quần thoa cũng lợi dụng tiền bạc cớp nhóp để xỏ mũi cậu phán ông tham :

*Mẹ tây kia trở về già
Vợ anh phán kiệt là cà kết duyên.
Anh thời say chị lắm tiền,
Chị mê anh trẻ, có duyên mặn mà.
Trúc mai sum họp một nhà,
Rõ ràng trúc một, mai già sánh đôi.*

(Duyên con vồ — G. N. N. 1)

Nhưng rồi những gì vờ vĩnh, nguy tạo cũng có lúc phơi bày bề trái sông sượng. Nợ đời có vay có trả. Những ai khéo lợi dụng tình đời, đừng tưởng tình đời cứ mãi là dụng cụ sai khiến trung thành của mình :

*Chị thời vỗ đức lang quân,
Sắm cho xe ngựa áo quần bánh bao.
Ngờ đâu anh thẳng bộ vào
Anh đi sớm muộn tới đào lung thiên.*

Tiền bạc lung lạc được ái tình, nhưng không mua chuộc được ái tình. Tú Mỡ đã moi móc bộ mặt của ái tình qua sức mạnh của tiền bạc trong bài. . .

Phụ bạc

*Nhớ xưa còn thuở hàn vi,
Chàng thời đi học thiếp đi chạy hàng.
Sớm hôm đầu đội vai mang,
Yên phận bần hàn, kiếm gạo nuôi nhau.*

*Lăn hồi bữa cháo bữa rau,
Chàng lo học tập mai sau thành tài.
Công danh tiến bước kịp người,
Mở mặt với đời thiếp cũng hiền vinh.
Bây giờ chàng đã nên danh,
Chê thiếp vụng dại, nỡ đành phụ công.
Khi nghèo còn vợ còn chồng,
Đến khi phú quý, chẳng đông vợ đoài.*

(Giòng nước ngược 1)

Thật trớ trêu ! « Giàu đổi bạn, sang đổi vợ ». Tư tưởng con người từ hàn vi đến phú quý trải qua nhiều uẩn khúc, cũng như lòng người không có đáy để thăm dò. Nó dễ bị méo mó, chênh vẹo vì cái phong lưu nguy tạo của cuộc sống. Cái phong lưu giả tạo ấy chính là một kích thích tố vạ nãng. Khi đắc thời thì ngất ngưỡng say sưa trong hương vị ngọt ngào, ca tụng cuộc sống hiện hữu là hoa là mộng ; lúc thất thế thì chửi rủa, mặt sát những xấu xa, nhơ bẩn của tình đời, muốn ném quách cái thế giới thú vị tha :

Hỏi khách chán đời

*Nghe nói anh xưa tính chán đời,
Bỏ-lại suốt nửa định qua chơi.
Bây giờ mỗi tháng lương trăm bạc,
Ướm hỏi anh còn chán nữa thôi.*

(Giòng nước ngược 1)

Cuộc đời đã sống trên vật chất thì tiền bạc là yếu tố cần thiết cho lẽ sống. Người ta than nghèo, người ta sợ cái nghèo, người ta khinh cái nghèo cũng chỉ vì cuộc sống vật chất mà ra :

Nghèo

*Vạn tội chẳng bằng nghèo,
Không tiền cực đủ điều ;
Họ hàng nào kẻ đối,
Bạn bè cóc ai theo.
Trò chuyện nghe buồn rút ;
Tình duyên cũng nhạt phèo.
Xưa nay thẳng áo rách,
Đến chó cũng không yêu.*

(Giòng nước ngược 1)

Tuy nhiên, màu sắc xã hội không chỉ rỗng những lớp sơn phết bên ngoài. Cái sản khâu đời ấy đôi khi cũng lóe lên một vài ánh sáng lạ. Nó là sự chân thành của con người chưa bị thời gian làm phôi pha, chưa bị vật chất xa hoa mê hoặc, chưa bị thế giới bên ngoài tác động. Trong lúc chán chê mọi đen bạc của tình đời, Tú Mỡ cũng nhận thấy được những nét tồn tại trong con người hồn nhiên sau lũy tre xanh, khuất dưới cơn đông bão của lòng nhân thế :

Hỡi anh mặc áo rách vai,
Thương anh gió trúc mưa mai lạnh lòng
.....
Em là con gái thôn quê,
Ưa khăn mỏ quạ, chẳng hề quần « san ».
Người em mộc mạc, xềnh xoàng,
Áo mũ chẳng xứng đồ hàng « bông bay ».

Nhà tranh với tấm lòng vàng,
Lòng quê em chỉ mơ màng thể thôi.
(Một tấm lòng vàng G. N. N. I)

Ngoài việc đem ngòi bút trào phúng mổ xẻ tình đời, gần gũi với Tú Xương, Tú Mỡ còn chịu ảnh hưởng một số nhà văn Pháp, thích làm thơ ngụ ngôn, nhân cách hóa một vài con vật để soi mói. Trong loại này có những bài như *Gà chọi*, *Ba kiếp con bù dừ*.

3. Loại tranh thủ tư tưởng với bạn bè.

Loại này Tú Mỡ đứng trên lập trường báo *Phong hóa* đề tranh thủ với đồng nghiệp. Thực ra chỉ là lối thơ khôi hài, diễu cợt, không có tính chất độc đáo cá nhân. Chúng ta có thể kể những bài châm biếm Tản-Đà :

Trên chợ trời có anh bán Hũ,
Hàng bày ra có đủ các khò khuôn ;
Cái phình phình, cái lại thôn thôn,
Cái nhớn, cái nhỏ, cái con thôi đủ cả.

(Anh bán hũ)

Tú Mỡ còn chia mũi dùi châm chọc vào những Tú Tiến (ông Đông-Châu Nguyễn hữu Tiến), Tú Mực (ông Nguyễn đồ Mực) Tú Sơn (biệt hiệu của ông Phan Khôi) v. v. . .

Dù hài hước, chỉ để chọc cười, nhưng Tú Mỡ cũng đã vận dụng công phu khá nhiều trong lối xếp đặt, trình bày, khiến người đọc không thể khinh thường nghệ thuật. Bài « *Văn tế Phong hóa tuần báo viễn An-nam tạp chí* » Tú Mỡ đã làm xôn xao một số lớn độc giả thời ấy.

Một tờ báo chết là một cái tang buồn cho làng báo, Tú Mỡ đã dùng cái chết của tờ báo đồng nghiệp chọc giận cả làng, nhất là Tản-Đà :

Ngày 12 tháng năm dư năm Quý-dậu :

Ngu hữu « *Phong hóa tuần báo* » đứng trước linh vị
« *An-nam tạp chí* »

Hậm hực mà than rằng :

Đinh non Tản mây đen mù mịt, quần bằng tang lạng
lẽ âu sầu,

Giải sông Đà nước xám lơ dờ, cuộn dòng lệ rền rĩ
buồn bã.

Than như không mà khóc cũng như không,
Im cũng dờ mà nói ra cũng dờ.

Nhớ bạn xưa :

Giấy trắng mực đen,
Nhà không tiếng cả,

Dựng tiêu nghiệp văn chương đất Bắc, kể sinh nhai
khen đã cố công thay !

Lấy đại danh tạp-chí nước Nam ; tuyên chủ nghĩa
thực đà to chuyện quá.

Tú Mỡ tuy nhiễm Tây học, song lối làm văn tế và phú đặc hình như sở trường, nên bài nào cũng độc đáo. Chẳng những rành rẽ về đối đáp, chính đốn niêm luật mà còn vận dụng được những ý tứ ngụ nghinh nỡ. Như những câu :

Nhồi độc giả năm pho kinh cổ, nhai lại chi, hồ, giả,
đá, rơ cơ quan tiến thủ giệt lùi.

Ru quốc dân một mớ thơ sầu, mơ màng tiên cuội,
trời, trăng, khiến niên thiếu liên miên bã lả.

Ố kim, nệ cò, đã từng phen năm đuôi ngựa
Phan Khôi,

Ghét cọt, chê cười, còn nhớ trận vượt râu - hăm
Phong Hóa.

Đằng dai như địa dới chết đi sống lại bao lần,
Xiêu bạt tựa vệt trời, nay đó mai đây mấy thửa,

Về vang thay ra nghìn rươi số in
Hân hạnh lắm được một trăm độc giả.

(Giòng nước ngược I)



« Giòng nước ngược » của Tú Mỡ còn dài, chúng ta lợi
nữa vẫn chưa đến nguồn. Tuy nhiên, đến đây chúng ta cũng
đã thấy được những nét chính yếu của nguồn thơ bình
dân ấy.

Đề kết luận, chúng ta phải thừa nhận ở Tú Mỡ một
thực tài, con người đã tự vạch cho mình một đường hướng
về thi ca bình dân mà các thi nhân đương thời không ai
đề ý đến.

Tú Mỡ không thể đem so sánh với Tú Xương, nhưng
Tú Mỡ vẫn là một ngôi sao lạ, một ánh sao chói sáng ở một
góc trời mà lịch sử văn học hiện đại không thể không nói đến.



Thi tuyên

Tự thuật

(thất ngôn thập bát cú)

Ở sở « phi năng » có một thầy,
Người cao dong dỏng lại gầy gầy.
Mặc thường xoàng xĩnh, ưa lành sạch,
Ăn chỉ thều thào, thích tịnh chay.
Tom chát quanh năm vài bốn bận,
Say sưa mỗi tháng một đôi ngày.
Tính vui trò chuyện cười như phá,
Lòng thẳng cảm hờn nói toạc ngay.
Liêm sỉ vào tay hơi khá khá,
Ở ăn thì nết cũng hay hay !
Yêu người chân thật, người hào hiệp,
Ghét kẻ chui luồn, kẻ quắt quay,
Vô vè hay làm văn Quốc-ngữ,
Xì xỏ ít nói tiếng Âu-tây.
Bạn mà bàn đến thi cùng cử,
Thời vội van luôn : Tớ lạy mày ! . . .
Bởi tánh ngang phè như nhánh bứa,
Già đời chẳng được cái mẽ đay.

(Phong Hóa tuần báo, số 14, ngày 22-9-1932,
sau đăng trong « Giòng nước ngược », tập I)



Chương trình của Tú Mỡ

Tớ nghĩ nát óc mấy hôm ròng rã,
Được bản chương trình cũng khá hay hay.
Nếu may ra, tớ trúng cử phen này,
Xin cả quyết đúng tay làm việc.
— Tớ sẽ yêu cầu lấp quách cái Hồ Gươm xanh biếc
Nước đục ngầu đã trái phép vệ sinh.

Lại làm mỗ cho biết bao nữ tú, nam thanh
 Dem kết liễu cái đời tình cay đắng. . .
 Cái hồ ấy, khi đã thành đất phẳng,
 Tớ sẽ xin dựng một trường « Cao-Đẳng Đẳng-Xinh ».
 Rước những ông du học tài tình,
 Dạy những món văn minh nghệ thuật.
 Cho dân ta biết thế nào là « sa-lếch-tôn », là
 « van-sơ », là « tăng-gô », là « phốc-tuốt » (1)

Học lấy nghề nhảy nhót cho ngoan.

Rún rẩy cho ăn nhịp cung đàn

Ấy là triệu chứng dân an, quốc thái. . .

Đã hầy vậy, cái chương trình vĩ đại.

Nhưng, muốn thi hành tất phải có nhiều xu.

Kinh tế này các bạn hẩn lo,

Nó sẽ bị xé, vò, quăng sọt giấy.

Thưa rằng : tớ đã nghĩ, rồi đâu có đấy,

Có lo gì cái vật ấy mà lo.

Muốn xây cho công quỹ món tiền to.

Tớ sẽ xin nhà nước đặt cho thuế mới.

Bỏ cho các đàn bà, con gái

Đóng công sưu hai đồng rưỡi đồng niên,

Chị em hô « nam nữ bình quyền »

Ắt hẳn được phi nguyên ao ước !

Thật là bản chương trình lợi dân, ích nước,

Tớ sẽ thi hành kỳ được mới nghe.

Đơn thỉnh cầu, tớ sẽ đặt thành vè,

Cho ai nấy dễ nghe và dễ nhớ.

Hỡi các cử tri ! Nên bầu cho tớ,

Ơn tác thành, Tú-Mỡ đám dâu quên.

Nếu phen này trúng cử nghị viên,

Hứa : Sẽ thết anh em châu. . . phở. . .

(Giòng nước ngược, tập I)



(1) Sa-lếch-tôn (charleston), van-sơ (valse), tăng-gô (tango), phốc-tuốt (fox-trott) là mấy điệu nhảy đầm.

« Phở » đức tụng

Trong các món ăn « quân tử vị »,

Phở là quà đáng quý trên đời.

Một vài xu, nào đắt đỏ mấy mươi,

Mà đủ vị : ngọt, bùi, thơm, béo, bở.

Này bánh cuốn, này thịt bò, này nước dùng sao
 nhánh mỡ.

Ngon rau thơm, hành củ thái trên,

Nước mắm, hồ tiêu cùng giấm, ớt thêm thêm,

Khói nghi ngút đưa lên thơm diếc mũi. . .

Như xúc động tới ruột gan bàn phôi. . .

Như giục khơi cái đói của con tì.

Dầu sơn hà, hải vị khôn bì,

Xơi một bát, thường khi chưa thích miệng.

Kẻ phú quý cho chí người bần tiện,

Hỏi ai là đã nếm chẳng ưa.

Thầy thông, thầy phán đi sớm về trưa,

Điềm tâm phở, ngon ơ va chất dạ.

Cánh thuyền thợ, làm ăn vất vả,

Phở xơi no cũng đỡ nhọc nhằn.

Khách làng thơ, đêm thức viết văn,

Được bát phở cũng đỡ bần khoản óc bí. . .

Bọn đào kép, con nhà ca kỹ,

Lấy phở làm đầu vị giải lao.

Chúng chị em sớm mận, tối đào,

Nhờ có phở cũng đỡ hao nhan sắc.

Phở là đại bổ, tốt bằng mười thuốc Bắc,

Quế, phụ, sâm, nhung chưa chắc đã hơn gì. . .

Phở bở âm, dương, phế, thận, can, tì,

Bỏ cả ngũ tạng, tứ chi, bát mạch. . .

Anh em lao động đồng tiền không rúc rích,

Coi phở là môn thuốc ích vô song.

Các bậc vương tôn, thường chả phượng, nem công,

Chưa chén phở, vẫn còn không đủ món.

Chớ khinh phở là đồ ăn hèn mọn.

Dẫu sao thành Ba-lê còn phải đón phở sang,

Cùng các cao lương vạn quốc phô trương,
 Ngon lại rẻ phở thường tranh quán giải,
 Sống trên đời, phở không ăn cũng đại,
 Lúc buông tay ắt phải cúng kem.
 Ai ơi, nếm thử kéo thêm. . .

(Giòng nước ngược, tập 1)



Xoay hòn đất

Có một anh,
 Biếng lười như hủi.
 Cờ bạc như tinh,
 Rượu chè như quí.
 Trai gái như ranh.
 Mà cứ muốn,
 Làm giàu làm có,
 Nên giá nên danh.
 Sinh con gái tốt,
 Để con trai lành.
 Nghĩ đến câu,
 Tắt tươi tắt ta,
 Lật đà lật đật.
 Thấy địa cố tìm,
 Mồ cha lo cắt.
 Có người bà con,
 Mách ông thấy khách.
 Anh liền rước về,
 Thấy bèn thử thách :
 Ăn nói đả đơ,
 Nước cơm hạch sách.
 Thôi thì,
 Rượu nồng, dê béo,
 Cửa ngon vật lành.
 Món xào đồ nấu.
 Cháo lòng, tiết canh

Cung lão địa lý,
 Quá ông thân sinh,
 Ăn no lời kèn,
 Uống say nứt ruột,
 Thầy tỏ lời khen
 « Anh này bụng tốt »
 Cảm tấm lòng thành
 Cho ngôi đất sộp
 Tán hươu tán vượn,
 Nào hồ, nào rồng.
 Về sau kết phát,
 Hẳn quá ước mong.
 Giàu to danh lớn,
 Con đàn cháu đông.
 Lo xoay ngôi mộ
 Trả xong công thầy,
 Chứa chan hy vọng
 Mong mỗi đêm ngày
 Cho hòn đất phát,
 Dợi thời vận hay.

Thế mà :

Đông đi xuân lại,
 Tháng trọn ngày qua,
 Vẫn trần như nhộng,
 Vẫn xác như vờ.
 Cô độc cô quả,
 Cầu bất cầu bơ. . .
 Người đời, ngu dại,
 Nghĩ mà nguì thương !
 Toàn vẹn thân xác
 Hòng nhờ nắm xương.
 Đào lên chôn xuống,
 Đặt dọc xoay ngang,
 Đề cầu phú quý,
 Khéo truyện hoang đường.

(Giòng nước ngược 1)



Mười thương

Một thương tóc lệch đường ngôi,
 Hai thương quần trắng, áo mùi, khăn san.
 Ba thương hôm sớm điềm trang,
 Bốn thương răng ngọc hai hàng trắng phau.
 Năm thương lược Huế cài đầu,
 Sáu thương ô lục ngả màu thanh thiên.
 Bảy thương lấm bạc nhiều tiền,
 Tám thương động tí nữ quyền giờ ra.
 Chín thương cô vẫn ở nhà,
 Mười thương... thôi đề mình ta thương mình. . .

(Giòng nước ngược I)



Hết chán đời

Tớ vốn khi xưa tính chán đời,
 Từ khi có việc đủ ăn chơi.
 Mới hay đời vẫn chưa nên chán,
 Hiền triết đời nay chỉ thể thôi.

(Giòng nước ngược I)



Ông cụ non

Nhớ thuở còn hàn vi,
 Chưa nên danh phận gì.
 Trí anh to tát lạ,
 Chẳng thẹn tiếng nam nhi.
 Bàn tính những công cuộc,
 Lợi dân cùng ích nước.
 Lưu danh với núi sông,
 Mới thỏa lòng ao ước.

Nay ngoáp chiếc lương to,
 Yên thân được ấm no.
 Đã quăng chí nguyện cũ,
 Khỏi ố như thò lò.
 Nghiễm nhiên mặt trưởng giả,
 Thờ chủ nghĩa nhân hạ,
 Đội mũ ni che tai,
 Việc đời thây kệ cả !
 Ngày bốn buổi đi về,
 Ăn no lại ngủ khê.
 Ngoài câu truyện bếp núc,
 Chẳng thiết đề tai nghe.

Làm bạn với non bộ,
 Uốn cành cây cỏ thụ.
 Hết trưa lại đến chiều,
 Lăn thân như ma số.

Uống rượu rồi ngâm thơ,
 Say sưa khéo phờn phờ.
 Khác chi đồ cồ hủ,
 Xác sống mà hồn mơ.

Người ta khi phú quý,
 Càng phải phẫn tâm trí.
 Anh mới nể phong lưu,
 Có sao vội chết đi !

Non bộ kia nên xếp,
 Chơi gì cảnh nhỏ hẹp,
 Nọ giang sơn Việt-nam,
 Mới thật là xinh đẹp.

Túi thơ thất lại thôi,
 Nậm rượu quăng cho rồi,
 Cái thứ dùi rung này,
 Chờ khi sáu bảy mươi.

(Giòng nước ngược I)



Khuyên ai kén vợ

I

Lấy vợ khuyên ai kén vợ hiền,
Kén người đức hạnh, bậc chân chuyên,
Tốt duyên gặp được người như nguyện,
Giá nợ nhà vàng đúc cũng nên.

II

Lấy vợ khuyên ai kén vợ xoàng,
Cần chi giàu có với quan sang.
Quý hũ nội trợ tề gia giỏi,
Cái cảnh gia đình mới vẻ vang.

III

Lấy vợ khuyên ai cốt chữ tình,
Xin đừng vụ lợi với ham danh,
Mấy người tiêu kỷ vì danh lợi,
Khó trọn cùng nhau nghĩa tử sinh.

IV

Lấy vợ không nên kén vợ giàu,
E rằng ý của lại khinh nhau,
Hờ thay ! cái tiếng nhờ lưng vợ !
Tiếng ấy anh hùng há chịu đâu !

V

Lấy vợ không nên lấy ả đầu,
Hoa tàn, nhị rữa, tiết còn đâu.
Chỉ quen nghề nghiệp nhà son phấn,
Chẳng trách phương ngôn đã có câu... (1)

VI

Lấy vợ không nên lấy vợ nhiều,
Một bà thôi cũng đủ thương yêu.
Ai về nhẩn nhủ phường tham thịch,
Cả lẽ làm chi, tở ỷ eo. . . !



(1) Phương ngôn rằng : « Lấy quan, quan cách, lấy khách, khách về Tàu, lấy nhà giàu, nhà giàu hết cửa. »

Đón cậu phón

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,
Nhớ cô quần trắng, áo điều khăn san.
Năm giờ buông giấy vừa tan,
Bóng hồng tha thướt bên hàng cây xanh.
Gió chiều bộ cánh phong phanh,
Lang thang vợ vản cô mình đợi ai ?
Thưa rằng : « — Đã mấy ngày trời,
Em chờ cậu phón là người tình nhân.
Bây giờ kinh tế khó khăn,
Còn dăm châu hát, khát lần làm lơ.
Thân em đã xác như vờ.
Son mòn, phấn hết biết sờ. . . vào đâu ? »

(Giọng nước ngược l)



Duyên con vò

Me tây kia trở về già,
Vớ anh phón kiết la cà kết duyên.
Anh thời say chị lắm tiền,
Chị mê anh trẻ, có duyên mặn mà.
Trúc mai sum họp một nhà,
Rõ ràng trúc một, mai già sánh đôi.
Mình mình với lại tôi tôi,
Anh làm cho chị tưởng đời còn xuân.
Chị thời vớ đức lang quân,
Sắm cho xe ngựa áo quần bảnh bao.
Ngờ đâu anh thẳng bộ vào,
Anh đi sớm muộn tối đào lung thiên.
Một lần chị đề anh yên,
Hai lần chị nài cơn ghen tam bành.
Ba lần chị phát lời đình,
Lót tay là chị lời anh phú về. . .

(Giọng nước ngược l)



Lấy chồng ông phón

Em là con gái nhà quê,
 Người làng dạm hỏi, em chê ngu dần.
 Một em giỏi, hai em giần,
 Thầy, bu khuyên dỗ, em rằng : em không ...
 Lấy chồng cho đáng tấm chồng,
 Em chỉ bằng lòng lấy cậu phán thôi.
 Ông tơ cũng khéo chiều người,
 Se duyên em được như lời ước mong.
 Từ ngày em lấy cậu thông,
 Tưởng rằng sang trọng nên ông nên bà.
 Không ngờ người chốn phồn hoa,
 Mẽ ngoài bóng bầy, cửa nhà rỗng không !
 Bởi chồng chơi dại chơi ngông,
 Kiếm được một đồng lại muốn tiêu hai.
 Minh em giết gấu vá vai,
 Mà xem cậu nó ra người vô tư.
 Giận thân phải lấy chồng hư ...



Trời dày Nguyễn-khắc-Hiếu

Trong phòng khách cụ Trời,
 Cậu nhỏ đứng van bồi
 Sầy tay đánh rơi vỡ :
 Nguyễn-khắc-Hiếu ra đời !
 Từ khi Hiếu xuất thế,
 Vẫn như cảnh thiên tiên :
 Bữa cơm thường phải rượu,
 Nhưng túi lại rỗng tiền.
 Liền xoay nghề văn chương,
 Viết bữa bán phố phường.
 Thơ chạy tha hồ uống,
 Say khướt suốt đêm trường.

Rượu ngon thức nhắm ngon.
 Giọng vẫn lại càng giòn ;
 Khỏi tình con, tình lớn,
 Giấc (mộng) lớn, mộng con.
 Thích chí nằm ngâm nga,
 Tiếng động vang ngân hà
 Trời hỏi : « — Ai ngâm thế ? »
 Muôn tâu : « — Ấy Tấn-Đà. »
 Trời nổi giận lôi đình,
 Răng : « — Cái thằng tiên ranh.
 Ta dày xuống hạ giới,
 Đề hấn chịu nhục hình.
 Ai ngờ hấn vẫn nhàn,
 Ngày tháng ngâm thơ tràn.
 Các người ai có cách,
 Bắt hấn phải gian nan
 Chư tiên đồng thanh nói :
 « — Tội nặng nhất trần phạm.
 Là bắt anh Khắc-Hiếu,
 Làm chủ báo An-Nam »

(Giòng nước ngược I)



Sư ông trúng số

(Năm 1933, có mở cuộc xổ số để lấy tiền dựng
 Đông dương học xá tại Bá-lê nước Pháp, người
 trúng số độc đắc là một ông sư Cao-mên)

Rồ khéo ! Trời chơi lăm vớ nông,
 Tình cờ hai vạn hiến Sư Ông.
 Năm xưa biết thế ta tu quách,
 Trúng số rồi sau sẽ lộn vòng.
 Trời ơi đời thừa nhà ai,
 Sư Ông đánh số trúng hai vạn đồng.
 Trách trời chơi ác, chơi nông,
 Nỡ đem bạc trắng thử lòng nhà Sư.

Nhà Sư, vì lẽ đường tu,
Bẻ lái bẻ từ, vớt mỡ quăng kinh.
Làm cho quả phúc tan tành,
Cái tội tày đình trời buộc cho ai ?

(Giòng nước ngược I)



Phong dao mới

Cụ kia đầu tóc bạc phơ
Gần kề miệng lỗ, còn chưa trót đời.
Già nua trống bỏi còn chơi,
Còn đi rước lấy một người vợ hai.
Hom hem thở chẳng ra hơi,
Hãy còn chuốt lấy nợ đời làm chi ?
Bảy mươi, mười bảy duyên gì ?
Ra đường thiên hạ, thăm thì : « cháu ông ! »



Làm đóm

Cô kia vừa xấu vừa già,
Còn hay làm đóm, thật là thêm dơ.
Mặt thời cạo nhẵn trơ trờ,
Lông mày đánh tít, lơ mờ sợi dây.
Kem bôi da mặt lụa lầy,
Phấn trét thật dày như thề quét vôi.
Vàng đeo, lụa đắp, cô ơi,
Càng trang điểm lắm, càng lời xấu ra.
(Giòng nước ngược I)



Sét ty tự dợt

Bởi lòng thương bạn bán nhân,
Phải bỏ tiền ra để đỡ đần.
Một chữ làm tin cho đúng luật,
Hai người bảo lãnh gọi an tâm.

Chẳng qua buôn bạc ăn đồng lãi,
Nào phải lèn người ních nặng phân.
Ngán nỗi con đen lòng bạc bèo,
Qua cầu túng bấn đã vong ân !
(Giòng nước ngược I)



Cười đi thôi... !

Đời người mấy chốc chị em ơi !
Ủ rũ làm chi, sống cũng hoài !
Đau đầu chau mày đừng vội mếu,
Chết dù đến cỡ vẫn còn tươi.
Khóc than vô ích, can chi khóc,
Cười ngất làm vui, cứ việc cười,
Muốn cuộc sinh tồn hăng hái mạnh,
Cười lên ha hả ! ! Cười đi thôi ! !
(Giòng nước ngược I)



Tết đoan Ngọ hay là

Tết dị đoan

I

Tháng năm ngày mồng năm,
Ta ăn Tết đoan Ngọ.
Duyên do bởi từ đâu ?
Nào mấy ai đã rõ !
Ngày xưa chú Khuất - Nguyên,
Làm quan ở nước Sở.
Cùng bởi cái vạ mồm,
Bị nhà vua trách quở.
Đày ra xứ Tràng-Sa,
Đề cho chừa nói giở.
Đang ông hóa ra thẳng.
Quan Khuất mới biết khờ,
Ngán đời đục, mình trong.

Bài thơ tình thờ lộ,
 Rồi đắm đuối xuống sông.
 Cùng nước trong muôn thuở,
 Chú khách ở bên Tàu.
 Thác từ đời tam tở . .
 Can chi dân Việt-nam,
 Nay còn nhớ ngày giỗ ?
 Nhà khó cũng chuối xối,
 Nhà giàu thì bần cổ.
 Nhưng chẳng cúng Khuất-Nguyên,
 Chỉ cúng đấng tiên tổ.
 Đoan ngộ tết dị đoan,
 Ta theo thực là lối.

I I

Tục đầu, tục lạ lòng !
 Mê sao, mê khổ sở !
 Áo dẫu trần tà ma,
 Bữa tua trừ quái cồ.
 Bành mắt mới sáng ngày,
 Đua nhau giết sâu bọ.
 Đang dạ đói lòng không,
 Hốc mận xanh, dưa đỏ.
 Sâu bọ chết, thấy đâu ?
 Sấn, run sinh hàng ồ.
 Mừng năm khỏe ăn càn,
 Mừng sáu ốm nhẩn nhó.
 Có nhờ chết bỏ đời,
 Lại kêu là tại số.
 Lại có kẻ đã man,
 Theo tục làng mọi rợ :
 Nhân ngày tết ăn càn,
 Đem thuốc độc đi bỏ.
 Việc ác mà xong xuôi.
 Thần hoàng mới phù hộ.

Dân trí, ôi tối tăm !
 Tục lệ theo cồ hủ,
 Khư khư giữ quốc hồn,
 Kiếp nào dân ngốc cồ ? !



Gà chọi

(Ngũ ngôn)

Chú gà chọi, cựa to lông trụ
 Đa với mào đỏ ối như vang
 Một hôm ngất nghều lang thang,
 Sang sân hàng xóm, gặp đàn gà nuôi.
 Nghênh cao cổ nhìn xuôi, nhìn ngược,
 Bộ kiêu căng lão xược ngông nghênh,
 Con nào không tránh cho nhanh,
 Liền cho cái đá lặn kãnh, ác chơi.
 Rồi vỗ cánh thị oai, cắt tiếng :
 « Cúc cù cu ! » vang chuyền nơi xa.
 Rằng : « Bày phải biết oai ta,
 Anh hùng vô địch ai mà dám đương ?
 Đỡ chúng bay, một tuồng khốn khổ,
 Sống trên đời, xấu hồ họ kê ?
 Người cho ăn uống no nê,
 Đến khi béo tốt, ngày kia người thời,
 Còn ta đây, được người hậu đãi,
 Chấn vỡ trường từng trải hiền vinh »
 Đàn gà nghe nói mần thỉnh,
 Lảng xa rồi mới phàm bình cùng nhau :
 « Thối kiêu hãnh, đời sao lắm kẻ,
 Rờm làm sao ! Rờm thế là cùng.
 Váo vênh, lên mặt anh hùng,
 Gà chung một giống đá cùng lẫn nhau.
 Được thua cũng toạc đầu gãy cẳng
 Hay ho gì, hiểu thắng vong thân !
 Diễn trò chiến đấu thương tâm.
 Đề đem hiển lộ vô nhân cuộc đời ».

(Giọng nước ngược l)



Bốn lần đi thi

(Tả cảnh một ông phán làm việc ở tỉnh xa, 4 lần về Hà - thành thi tham biện.)

Lần đầu về thi tại Hà-thành,
Anh em tập nập đến tiền hành,
Tiệc rượu linh đình thực vui vẻ,
Chén thù chén tạc chúc công danh.
Đi về tốn bao tiền phí lộ,
Thế mà thi cử lại có cớ đổ
Lời chúc hôm xưa chẳng động thành,
Anh em an ủi chia buồn hộ.

Cách một năm sau lại về thi,
Được tiệc trà xoàng tiền chân đi.
Bạn rằng: « Khoa trước anh đã rùi,
Chắc hẳn công danh đến khóa nhì. »

Tại mình, tại trời, hay tại số,
Mà đến khóa này lại vô bờ ?
Bạn lại hỏi thăm chỉ lắc đầu,
Không ai chê cười mà xấu hổ.

Năm sau, đi thi lần thứ ba.
Được vài bốn anh tiền ra ga.
Suông tình đưa mấy lời chúc tụng,
Mất cả tiệc rượu lẫn tiệc trà.

Khoa này tưởng khác hai khoa trước,
Chẳng may trời làm trượt vẫn trượt,
Giờ về, bạn hỏi thi thế nào ?
Cay đắng đáp rằng: « Tớ lại bước ! »

Đến bạn thứ tư về Hà-thành,
Bạn hỏi làm gì nói giấu quanh
Không tiệc không trà không kẻ tiền
Một mình lùi thúi lối công danh.

Một mình đi thi, một mình biết,
Chẳng khiến ai mừng cùng ai tiếc...
Con đường danh lợi đường chông gai,
Phen này có bương dờ tha thiết.

Kết luận :

Cái cuộc đua ganh khó lạ thường,
Thấy ai lặn lội nghị mà thương,
Vinh hoa là bả cho người thật !
Một bước công danh, bước đoạn trường.

(Giòng nước ngược I)



Ông nghị đi hội đồng về

— Ông ơi ! ông đi đâu về,
Có về phờn phê, phần chần hời ông ?

— Rằng tôi đi họp hội đồng,
Mỗi năm một bận hết lòng vì dân.
Gật gù nghe đọc diễn văn.
Vì dân rán sức mấy lần vỗ tay,
Trăm công nghìn việc, nặng thay !
Vì đâu nên phải đêm ngày miên man.
Bao chương dự toán luận bàn,
Vì đâu sái cổ gạt tràn bao phen.
Nhờ trời công việc đã yên,
Vì đâu phải xuống Khâm-thiên giải sầu,
Quản gì thức mấy đêm thao,
Vì đâu khai trí mấy châu tồ tóm.
Mỗi năm vất vả mười hôm,
Một bầu nhiệt huyết vẫn ôm kè kè.

(Giòng nước ngược I)



Ba kiếp con bú dù

(Ngụ ngôn)

Con « bú dù » vốn loài tinh quái,
 Khi bỏ đời xuống dưới âm cung.
 Đọa đầy mãn hạn lao lung,
 Đầu đơn lên chốn bụi hồng tái sinh.
 Diêm-vương xét công minh chí lý,
 Rằng : kiếp xưa thặng khi tinh ranh,
 Kiếp này cho nó tái sinh,
 Làm con lợn ý nặng mình ngu si.
 Nghĩ đao thốt lưỡi ghê cùng sợ
 Khi ta bèn nhẩn nhớ kêu ca.
 Rằng : « Tôi, Tào-hóa sinh ra,
 Xưa nay vốn tựa người ta hình hài.
 Bây giờ phải đầu thai kiếp khác,
 Thôi cũng xin cho được như người;
 Thân hình chẳng giống thời thôi,
 Giống người giọng nói tiếng cười cũng cam ».
 Diêm-vương mới cho làm kiếp vẹt,
 Lại phú cho nói hết như người,
 Từ khi khi vẹt ra đời,
 Lầu son gác tía được người chẵn nuôi.
 Bất chước chủ, tiếng cười, giọng nói,
 Hợm mình rằng kém cỏi chi ai ?
 Chẳng may cái số ngắn đời.
 Mèo vô cấn chết, lại rời cỏi dương.
 Xuống âm phủ, Diêm-vương liền mắng :
 « Mà xưa kia bộ dạng giống người.
 Tưởng rằng khôn khéo bằng ai.
 Dè đâu mặt nỡ, cả đời chỉ nhẩn
 Cho mày giống lời ăn tiếng nói,
 Cũng tưởng rằng sành sỏi khôn ngoan.
 Giờ đây chỉ biết nói càn,

Thiên hô bách sát nói chàn cung mây.
 Kiếp sau sẽ bắt mày làm hến,
 Đẻ mày cam cái miệng cho rồi ! »
 Khi bèn nắn nỉ hết lời,
 Yêu cầu làm thử kiếp người một phen.
 Diêm vương lại cho lên dương thế,
 Bắt làm anh thuyết sỹ nửa mùa.
 Đua đòi mở múa, môi khua,
 Bạ đầu cũng đọc « đít cua » tí ti. . . .
 Miệng soen soét khác gì con vẹt,
 Bộ múa may lại hết khi già,
 Thực là khi vẹt tinh hoa ?



« Điều » đức tụng

Người Việt-nam phải lấy thuốc lão làm quốc túy,
 Còn thú vị nào hơn thú vị yên yên !
 Từ vua, quan, đến hạng bình dân,
 Ai là chẳng bận thân với điều. . .
 Từ ông Thừa trở lên cụ Thiều
 Di ngoài đường phi điều bắt thành quan.
 Ngồi công đường, vịn xe trúc nghênh ngang,
 Hút mỗi thuốc, óc nhà quan thêm sáng suốt
 Nhà thi sĩ gọt câu văn cho chuốt,
 Tất phải nhờ điều thuốc gọi hồn thơ.
 Lại những khi óc mỗi mắt mờ,
 Nhờ điều thuốc mới có cơ tình tứ. .
 Dân thuyền thợ, thức khuya dậy sớm,
 Phải cần dùng điều dóm làm vui.
 Khi nhọc nhằn lau trán dầm mồ hôi,
 Vớ lấy điều, kéo một hơi thời cũng khoái.
 Dân cày cấy, mưa dầm, nắng dãi,
 Bận tâm giao với cái điều cày,

Lúc nghỉ ngơi, ngồi dưới bóng cây.
 Rít mỗi thuốc, say ngây say ngất.
 Rồi ngả lưng trên đám cỏ tươi xanh ngất.
 Đề thiú thiú một giấc êm dẽm,
 Bận nhà binh canh gác thâu đêm,
 Nhờ điều thuốc mới khỏi lim dim ngủ gật.
 Nội các thức say sưa nghiêng ngáp,
 Ngẫm mà coi thứ nhất thuốc lao.
 Nghiện thuốc lao là cái thú thanh tao,
 Chẳng hại tiền của mà chẳng hao sĩ diện.
 Chốn phòng khách anh em khi hội kiến,
 Có thuốc lao câu truyện mới thêm duyên.
 Khi lòng ta tư lự không yên,
 Hút mỗi thuốc cũng giải phiền đôi chút.
 Nghe tiếng điệu kêu ròn, nhìn khói bay nghi ngút,
 Nỗi lo buồn theo khói vút thăng thiên.
 Cái điệu cùng ta là bạn chí hiền,
 Từ thiên cổ tơ duyên chặt kết.
 Cũng có kẻ muốn rút tình kháng khí,
 Vui điệu đi cho hết đa mang.
 Nhưng nổi nhớ nhung bứt rứt tấm gan vàng,
 Chút nghĩa cũ, lại đa mang tận tụy.
 Cho nên : bảo điệu thuốc lao là quốc túy,
 Thật là lời chí lý không ngoa.
 Thuốc lao, ta hút điệu ta
 Điệu ta thọ với sơn hà muôn năm.

(Giọng nước ngược)



Phong dao hội lim

(Hội Lim mỗi năm mở vào ngày 13 tháng giêng tại làng Lim (Bắc-ninh). Đặc sắc của hội là cuộc hát « Quan họ », con trai, con gái họp nhau trên đồi mời trầu nhau rồi hát thi đối đáp, theo một điệu riêng. Cuộc hát thường khi kết cục bằng cuộc nhân duyên. Lợn « công-tử hội » Hà-thành và các tỉnh lân cận thường nhân dịp hội du chơi trên hoa ghẹo nguyệt. Hội Lim cũng vì thế mà thành ra một hội « chim gái »)

Công-tử Hà-nội

Tiết xuân gặp buổi hôm nay
 Mấy khi hồ để tới đây gặp mình,
 Ta ra vườn sẵn tự tình
 Hội hè tấp nập linh đình mặc ai.

Tiểu-thư cầu Lim

Thoạt nghe lời nói êm tai
 Xin mời chàng hãy tạm xơi khầu trầu
 Nay trầu này vỏ này cau
 Không trầu trò chuyện lấy đâu mặn nồng.

Công-tử Hà-nội

Nàng mời, muôn cảm ơn lòng
 Con trai Hà-nội vốn không ăn trầu
 Thực tình chẳng dám chê đâu
 Gối khăn xin giữ miếng trầu làm duyên.

Tiểu-thư cầu Lim

Trầu này tự tay em tẽm
 Trầu vàng, vỏ tía, cau mềm lại tươi
 Khuyên mời cốt để chàng xơi
 Kẻo mai trầu héo, cau ôi ích gì.

Công-tử Hà-nội

Thấy nàng mời mọc năn nì
 Lòng ta lưỡng lự nề vì lấm thây
 Không ăn sợ nàng tủi tay
 Ăn vào thời lại sợ say dư dư...

Tiểu-thư cầu Lim

Yêu nhau xin chớ chối từ
 Chàng còn ngần ngại ngần ngừ nỗi chi ?
 Hay trầu têm vụng chàng chê ?
 Hay là sợ có bùa mê ngại ngùng.

Công-tử Hà-nội

Khéo sao ! Lời nói lạ lùng !
 Chẳng là không xét tấm lòng cho nhau
 Bùa mê nào ở đâu trầu
 Ở đời con mắt dao cầu lằng lư !

Tiểu-thư cầu Lim

Thôi đừng tán tỉnh phất phơ
 Ngắm xem lời nói ỡm ở khó nghe
 Chúng em là gái thôn quê,
 Có đâu cặp mắt bùa mê hời chàng ?

Công-tử Hà-nội

Nàng đừng nói nhún nhả nàng
 Chẳng tình cũng tiếng gái làng cầu Lim
 Chỉ vì đôi mắt lim dim
 Mỗi năm mỗi nhớ hội Lim mờ vẽ.

Tiểu-thư cầu Lim

Chúng em ở chốn thôn quê
 Quanh năm công việc nặng nề luôn tay
 Ngày xuân gặp buổi hôm nay
 Mỗi năm mới được một ngày tìm hoa.

Công-tử Hà-nội

Hữu tình ta lại gặp ta
 Trầu ăn đỏ thắm, hận là tri âm
 Nói xị chi nữa nói gần
 Cùng nàng muốn tính trăm năm vương trôn.

Tiểu-thư cầu Lim

Vì bằng thực tấm lòng son
 Trăm năm kết ngãi thôi còn chi hơn
 Cùng nhau gắn bó keo sơn
 Đừng như con bướm chồn vờn lại bay.
Công-tử Hà-nội và tiểu-thư cầu Lim cùng hát :

Một lời vâng tặc dạ này
 Hãy về hỏi mẹ cùng thầy xem sao
 Bao giờ của vắn tay trao
 Bấy giờ ta sẽ đổi đào ái ân.

(Giòng nước ngược, tập I)

**Hỏi khách chán đời**

Nghe nói anh xưa tính chán đời,
 Bồng lai suốt nửa định qua chơi.
 Bây giờ mỗi tháng lương trăm hạc,
 Ướt hỏi anh còn chán nữa thôi.

(Giòng nước ngược, tập I)

**Đàn chấy và ông Đỗ Thận**

(Ngu ngôn)

Ông Tổ đã thiên phăng búi tóc.
 Đàn chấy kễnh mắt tổ bọ vơ.
 Kéo nhau lặn dận lò mờ,
 Đi tìm chốn khác ấm no nương mình.
 Suốt một buổi bò quanh bờ quần
 Tìm đến đầu Đỗ Thận tiên sinh,
 Là nhà thủ cựu trừ danh,
 Đầu còn búi tóc củ hành trơ trơ.
 Bèn hơn hờ giờ khoa hót tán
 Rằng : « Kính chào cụ lớn nghìn thu !
 Trông Ngài tướng mạo tượng phu,
 Uy nghi bộ vệ tựa hồ đường quan.

Mặt phúc hậu, khôn ngoan, lạnh lợi,
 Diêm râu rồng càng nổi oai linh.
 Xinh xinh búi tóc củ hành,
 Rõ ràng biểu hiệu đàn anh trên đời,
 Biết cụ lớn là người đại độ,
 Sẵn lòng thương đến lũ con dân.
 Chúng tôi phận mọn, thân hèn,
 Xiết mong núp dưới cửa huyền nương thân »
 Nghe lời tán, hả tâm khoái trí,
 Đỗ phủ hàm chàng nghĩ xa xôi,
 Đề cho đàn chấy nó bầu,
 Nó sinh nó hóa trên đầu như rươi !

Kết luận :

Đời chẳng có những người ưa phỉnh
 Nghe lọt lời siểm nịnh viển vông.
 Thời sao giống kỷ sinh trùng
 Được nơi ấm cật no lòng thành thoi.
 (Giòng nước ngược, tập I)



Cái dây kim tòng

Làng kia có bác kỳ hào,
 Kề trong thứ vị cũng vào bực trung.
 Nhưng khi đi họp hội đồng,
 Thường đeo cổ áo lòng thông sợi dây.
 Hẳn là ân tứ chi đây,
 Kim tiền, kim khánh, mẽ đay, thê ngà.
 Đầu dây lẫn dưới áo là,
 Đỗ ai biết được nó là cái chi :
 Người đoán lại kẻ đoán đi.
 Có người kết luận ; thường khi dây . . vờ.
 Một anh ba rọi ỡm ờ.
 Kéo dây nửa thực nửa đùa đời xem.
 Kim tòng vừa mới kéo lên,
 Đầu đầu chỉ thấy còn... đồng kền năm xu.
 (Giòng nước ngược, tập II)



Quỷ thần

Người Nam-Việt ta thờ thần, thờ thánh
 Là cốt lợi dụng các ngài như cánh con buôn
 Có việc cần họ cúng vái tứ phương,
 Không có việc một nén hương không mất.
 Kề thì cầu buôn may bán đắt,
 Thánh phải chẳng phượng đất mối hàng.
 Kề thì cho thánh là một thầy lang,
 Dùng nước thải, tàn nhang chữa bệnh.
 Không chữa bệnh họ nhờ chữa mệnh.
 Cúng vàng hương, họ cầu cạnh quàng xiên
 Họ tưởng chừng thánh cũng đảo điên
 Xơi của dứt, rồi thay tên đổi số
 Cho những kẻ đã đến ngày tận số,
 Khởi phải về địa phủ với diêm vương.
 Kề không con nổi đời tông đường.
 Đi khắp đến phủ tìm phương cầu tự.
 Há chẳng biết thánh nào có dự,
 Đến việc gây nời tưởng ngu phụ, ngu phu !
 Kề máu mê cờ bạc lu bù,
 Đời lần quần canh thua, canh gờ
 Đến cửa thánh kêu nài phù hộ
 Độ chi cho phận đồ, cơ may
 Thần thánh nào có tựa lư quất quay !
 Các ngài nào phải là tay bịp bạc.
 Mà lần quất các sòng đồ bác,
 Giúp cho xoay cái bát quân bài.
 Có kẻ không may mất của lạc người,
 Cũng dẫn lẽ tới đền đài khẩn khứa.
 Cả đến những vị anh linh cứu quốc công thần
 Như hai đức thánh họ Trần, họ Phạm,
 Cũng bị đồng cốt bày ra đạo nhảm
 Sai khiến các ngài trị đám tà ma,
 Họ chuyên môn dối trẻ lừa già,
 Che mắt tục, bày ra trò lục sở ;

Nào nhá bát, nào xiên linh, nào rạch mồm, nào
thất cổ.

Đề mê hoặc lòng một lũ ngu dân.
Nghĩ buồn thay cho các ông thánh ông thần,
Ở một nước dân ngu dân mê muội,
Họ sùng bái một là vì lợi,
Hai vì sợ vía các ngài như tại chốn dương gian.
(Giòng nước ngược, tập II)



Tâm bất lão

Ủa tở năm nay bốn mốt rồi
Xuân xanh tường mới độ. . . vài mươi
Soi gương đầu tóc còn đen nhánh.
Xoa mép, râu ria chưa tủa dài
Thẳng cánh cuộc vườn gân còn dẻo.
Gò lưng cười nhạo sức còn dai.
Mắt nhìn son trẻ tình ranh lắm,
Miệng tán ba hoa lém lỉnh hoài,
Vấn về ớm ờ chưa lẫn cấn,
Linh tình bông bột cứ vui tươi
Tháng ngày vô lý đi mau quá,
Nên tở không theo kịp tuổi trời.
(Giòng nước ngược, tập II)



Vua Bà sợ Thần lửa

Một hôm ngày vía vua Bà
Mụ đồng lễ lập bày ra tưng bừng
Điện thờ đèn nến sáng trưng
Khói hương nghi ngút tưởng chừng mây bay.
Cung vãn đàn ngọt múa hay,
Véo von : bà đập, bà hay chín nghìn !
Mụ già nhẩy múa huyền thuyên,
Nói năng ẻo ọe phán truyền ba hoa,

Đồng lên đến giá vua bà,
Áo điều khăn đỏ úi chào oai to !
Bà múa may, bà chèo đò
Bà bơi lên cạn nhíp hò hồ khoan
Một tay bà nắm bó nhang,
Khua vang khua vít làm than bật hồng,
Bén lên nón mả cháy bùng.
Bắt mỗi ngọn lửa dùng dùng lém nhanh,
Bốc lên tới mái nhà tranh,
Chỉ trong chớp mắt gây thành hỏa tai
Bấy giờ trong điện rồi bời,
Ai nhanh thì chạy lấy người thoát thân,
Đầu tiên là bác cung vãn,
Vác đàn chạy lấy « cái cần câu cơm »,
Rồi thì đến bọn con hương,
Xô nhau túi bụi ra đường kêu la,
Chậm chân sau đến... Vua Bà,
Khăn chầu áo ngự xông ra ngoài đường,
Thất thanh kêu xóm kêu làng,
Trị giùm thần lửa phũ phàng ra tay,
Thì ra tâu lạy các ngài,
Ngài lên đồng chỉ làm oai lõe đời.

.

(Giòng nước ngược, tập II)

